TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM THUẬN BẮC** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/DS-ST
Ngày: 27/3/2024
V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố và hợp đồng thuê tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Em
2. Ông Bùi Nhiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 307/2023/TLST – DS ngày 02 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXX-ST ngày 29 tháng 01 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH S;

Trụ sở chính: Số 128, N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông P– Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà P, sinh năm 1984

Địa chỉ: 320/26/1 đường Ngi, phường X, thành phố Pt, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Ng, sinh năm 1993

Địa chỉ: Tổ 7, Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa vắng mặt các đương sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Công ty TNHH S do bà P đại diện trình bày:

Ngày 15/5/2023, ông Ng có cầm 01 xe môtô Honda Vario 150cc, màu trắng đen, biển kiểm soát 86B3-xxxx, số giấy chứng nhận đăng ký xe môtô số 860000bnx do Công an tỉnh Bình Thuận cấp ngày 31/5/2022, số khung MH1JM5122NKBBBBBB, số máy JM51E2112CCC cho Công ty TNHH S theo hợp đồng cầm cố số PHM230501015YYYYY ngày 15/5/2023 để lấy số tiền 24.200.000 đồng, thời hạn cầm cố tài sản là 12 tháng, lãi suất 1.1%/tháng, phí quản lý hồ sơ cố định: 0.5%/tháng, phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn 726.000 đồng/tháng. Khi khách hàng thanh toán đúng hạn phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn là 484.000 đồng/tháng. Ông Ng đã nhận đủ số tiền 24.200.000 đồng.

Do cần có xe đi lại nên ông Ng đã mượn lại xe máy trên, hai bên đã lập giấy mượn xe ngày 15/5/2023, thời hạn mượn xe là 01 tháng.

Từ khi nhận tiền đến nay, ông Ng không thanh toán khoản tiền nào cho Công ty TNHH S.

Tại đơn khởi kiện, Công ty TNHH S yêu cầu ông Ng phải trả số tiền 30.254.839 đồng tính đến ngày 10/10/2023, trong đó 24.200.000 đồng nợ gốc, lãi trong hạn 1.313.253 đồng, phí quản lý hồ sơ cố định 596.933 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn 3.630.000 đồng, lãi quá hạn 514.653 đồng.

Trường hợp ông Ng không thanh toán số tiền trên, đề nghị ông Ng phải giao trả lại xe Honda Vario 150cc, màu trắng đen, biển kiểm soát 86B3-xxxx cho Công ty TNHH S để hai bên thực hiện việc thanh lý hợp đồng cầm cố.

Tại đơn trình bày ý kiến ngày 21/3/2024, Công ty TNHH S yêu cầu ông Ng phải trả số tiền 28.291.414 đồng cho Công ty TNHH S, trong đó gồm 24.200.000 đồng nợ gốc, phí quản lý hồ sơ cố định 1.278.567 đồng, lãi suất trong hạn là 2.812.847 đồng tính đến ngày xét xử 27/3/2024.

Ông Ng phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh của số tiền gốc 24.200.000 đồng theo mức lãi suất 1.65%/tháng kể từ ngày 28/3/2024, các khoản lãi và phí khác, Công ty TNHH S không buộc ông Ng phải trả nữa.

Công ty TNHH S sẽ giao trả 01 giấy chứng nhận đăng ký xe môtô số 860000bnx do Công an tỉnh Bình Thuận cấp ngày 31/5/2022 đứng tên Ng ngay khi ông Ng đã trả hết nợ cho Công ty TNHH S.

Việc vay nợ chỉ có một mình ông Ng thực hiện nên Công ty chỉ yêu cầu một mình ông Ng trả nợ.

Bị đơn ông Ng: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Ng đều vắng mặt không có lý do. Không có văn bản thể hiện ý kiến của ông Ng về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, vụ án không Ng hành hòa giải được và Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà P vắng mặt do có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn trả tiền theo hợp đồng cầm cố tài sản và giấy mượn xe. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp hợp đồng cầm cố và hợp đồng thuê tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có người đại diện tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử Ng hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định của pháp luật tại điểm b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Căn cứ hợp đồng cầm cố số PHM230501015YYYYY ngày 15/5/2023 giữa ông Ng và Công ty TNHH S, phụ lục hợp đồng cầm cố ngày 15/5/2023, giấy mượn xe ngày 15/5/2023 và lời khai của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 15/5/2023, Công ty TNHH S đã ký hợp đồng cầm cố số PHM230501015YYYYY với ông Ng để cầm cố 01 xe môtô Honda Vario 150cc, màu trắng đen, biển kiểm soát 86B3-xxxx thuộc quyền sở hữu của ông Ng. Ông Ng đã nhận đủ số tiền cầm cố là 24.200.000 đồng, thời hạn cầm cố tài sản là 12 tháng. Cùng ngày, ông Ng đã ký giấy mượn lại xe môtô Honda Vario 150cc với Công ty TNHH S để có phương tiện đi lại với thỏa thuận phí quản lý hồ sơ cố định: 0.5%/tháng, phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn 726.000 đồng/tháng, khi khách hàng thanh toán đúng hạn phí bảo dưỡng và hai mòn xe khi mượn là 484.000 đồng/tháng.

Hợp đồng cầm cố tài sản và hợp đồng thuê tài sản được các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cầm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Ng đã không trả tiền và giao trả xe như đã thỏa thuận khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Ng phải trả số tiền 28.291.414 đồng cho Công ty TNHH S, trong đó gồm 24.200.000 đồng nợ gốc, phí quản lý hồ sơ cố định 1.278.567 đồng, lãi suất trong hạn là 2.812.847 đồng tính đến ngày xét xử 27/3/2024 là có căn cứ chấp nhận.

Kể từ ngày 28/3/2024, ông Ng phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh với mức lãi suất 1.65%/tháng của số tiền gốc 24.200.000 đồng, ngoài ra không phải chịu bất kỳ khoản phí hay lãi nào khác theo thỏa thuận tại hợp đồng cầm cố ngày

15/5/2023 và giấy mượn xe ngày 15/5/2023. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, theo hướng có lợi cho phía bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Công ty TNHH S phải giao cho ông Ng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 860000bnx do Công an xã Hồng Sơn cấp ngày 31/5/2022 ngay khi ông Ng trả hết nợ.

[3].Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

– Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

– Điều 309, 310, 311, 312, 313, 314, 315, 316, 357, 468, 494, 499 Bộ luật dân sự;

– Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH S:

Buộc ông Ng phải trả số tiền 28.291.414 đồng cho Công ty TNHH S, trong đó gồm 24.200.000 đồng nợ gốc, phí quản lý hồ sơ cố định 1.278.567 đồng, lãi suất 2.812.847 đồng tính đến ngày 27/3/2024.

Ông Ng phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh của số tiền gốc 24.200.000 đồng theo lãi suất 1.65%/tháng kể từ ngày 28/3/2024 cho đến khi trả hết nợ.

Công ty TNHH S phải giao cho ông Ng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 860000bnx do Công an xã Hồng Sơn cấp ngày 31/5/2022 ngay khi ông Ng trả hết nợ.

Về án phí:

Công ty TNHH S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 756.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0019923 ngày 07/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc.

Ông Ng phải chịu 1.415.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng;
- VKS nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Cơ quan THADS huyện Hàm Thuận Bắc;
- Lưu hồ sơ.

Trần Thu Thúy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thu Thúy

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKS nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc;
- Cơ quan THADS huyện Hàm Thuận Bắc;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thu Thúy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thu Thúy

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKS nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc;
- Cơ quan THADS huyện Hàm Thuận Bắc;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thu Thúy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thu Thúy

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKS nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc;
- Cơ quan THADS huyện Hàm Thuận Bắc;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thu Thúy

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Quản

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thị xã Lagi, ngày 21 tháng 7 năm 2016

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thái

- *Các thẩm phán*: Bà Trần Thị Ánh Tuyết và Bà Trần Thị Thiên Hương

Căn cứ vào các Điều 199; 222; 247 và khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự.

Ngày 26/7/2016, tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã Ng hành nghị án đối với vụ án Lê Bá Thủy phạm tội "Chứa mại dâm".

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo tại phiên tòa; Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án và quyết định như sau:

+ **3/3 ý kiến thống nhất:**

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Lê Bá Thủy, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 18/2016/HSST ngày 11/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Bá Thủy, phạm tội "Chứa mại dâm".

Áp dụng điểm p khoản 1 điều 46, khoản 1 Điều 254 Bộ luật hình sự xử phạt Lê Bá Thủy 18 tháng tù (được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 13/01/2016 đến ngày 14/03/2016) thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

2. Về biện pháp tư pháp:

- Áp dụng điểm đ khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy: 02 võ bao cao su, 3 bao cao su đã qua sử dụng, 5 bao cao su chưa sử dụng, 2 tuýt nhựa hiệu KY.

- Áp dụng điểm a khoản 1 điều 41 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung quỹ nhà nước 01 ĐTDĐ hiệu Viettel.

- Áp dụng điểm b khoản 1 điều 41 Bộ luật hình sự, điểm c khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung quỹ nhà nước 750.000 đồng

- Áp dụng điểm b khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho Lê Bá Thủy 3 hộp bao cao su và 310.000 đồng. Tuy nhiên cần tạm giữ số tiền 310.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí:

Áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 22; khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh án phí, lệ phí toà án của UBTVQH 12 ngày 27/02/2009;

Buộc Lê Bá Thủy phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 26/7/2016

+ **Các ý kiến khác không đồng ý:** Không có

Biên bản lập xong cùng ngày. Chủ tọa phiên tòa đọc lại cho Hội đồng xét xử phúc thẩm nghe, công nhận đúng và cùng thống nhất ký tên:

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Thái